

BIẾN ĐỘNG THUẾ VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TẠI CÁC NƯỚC CÓ THU NHẬP THẤP VÀ THU NHẬP TRUNG BÌNH

Ths. Phạm Văn Nghĩa* - PGS.TS. Phạm Thế Anh*

Mối quan hệ giữa biến động ngắn hạn (volatility) và tăng trưởng dài hạn đã thu hút sự quan tâm đáng kể từ các nhà nghiên cứu. Bài viết này nhằm kiểm định ảnh hưởng của biến động Thuế thu được của Chính phủ và tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia thu nhập thấp và trung bình trong giai đoạn 2000-2019. Kết quả thực nghiệm cho thấy, biến động Thuế có mối quan hệ tích cực tới tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, các yếu tố như đầu tư, vốn nhân lực, và độ mở của nền kinh tế đều có ảnh hưởng tích cực, trong khi tỷ lệ lạm phát và GDP ban đầu lại có tác động tiêu cực đến tăng trưởng.

• Từ khóa: tăng trưởng kinh tế, biến động ngắn hạn, thuế của chính phủ.

The relationship between volatility and long-term growth has attracted significant attention from researchers. This paper aims to examine the impact of government tax revenue volatility on economic growth in low- and middle-income countries during the period 2000-2019. Empirical results indicate that tax volatility has a positive relationship with economic growth. Furthermore, factors such as investment, human capital, and trade openness have a positive influence, while the inflation rate and initial GDP have a negative impact on growth.

• Key words: economic growth, short-term volatility, government taxes.

Ngày gửi bài: 27/4/2025

Ngày gửi phản biện: 03/5/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phân biện: 10/6/2025

Ngày chấp nhận đăng: 28/7/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i294.20>

1. Mở đầu

Mối quan hệ giữa biến động ngắn hạn (volatility) và tăng trưởng kinh tế dài hạn từ lâu đã thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu kinh tế, song các kết quả thực nghiệm vẫn còn nhiều khác biệt. Một số công trình, như Grier & Tullock (1989), Caporale & McKiernan (1998), Dejuan & Gurr (2004), Jim Lee (2010) và Onyimadu & Chukwuemeka (2016), chỉ ra rằng biến động kinh tế vĩ mô có thể mang lại tác động tích cực đối với tăng trưởng. Ngược lại, các nghiên cứu của Afonso & Furceri (2010), Holland et al. (2011), Fatás & Mihov (2013), Ezcurra & Rios (2015), Fabardha, Hysa & Ergun (2020) và Marioli &

Fatas (2024) lại cho thấy biến động làm gia tăng bất ổn, cản trở đầu tư và kìm hãm tăng trưởng. Một số bằng chứng khác, như Garcia, Herrero & Josep (2007) và Phạm Thế Anh (2017), gợi ý về mối quan hệ phi tuyến, tức biến động có thể vừa tích cực vừa tiêu cực tùy thuộc điều kiện kinh tế cụ thể. Ngoài ra, cũng có nghiên cứu không tìm thấy mối liên hệ thống kê rõ ràng, phản ánh tính chất phức tạp và chưa thống nhất của chủ đề này.

Các nghiên cứu trước đây thường tập trung vào các quốc gia phát triển hoặc các quốc gia thu nhập trung bình cao, nơi có sự tích lũy đáng kể về vốn nhân lực thông qua đầu tư vào giáo dục và y tế, cũng như trình độ công nghệ tiên tiến thúc đẩy năng suất lao động. Ngược lại, các quốc gia thu nhập thấp và trung bình thường đối mặt với mức sống thấp hơn, ảnh hưởng đến các quyết định tiêu dùng, tiết kiệm và đầu tư. Cơ sở hạ tầng yếu kém và trình độ phát triển công nghệ hạn chế có thể là những yếu tố kìm hãm tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, nhiều quốc gia trong nhóm này có lợi thế về quy mô dân số lớn và cơ cấu dân số trẻ, tạo cơ hội để đầu tư vào cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục và nâng cao vốn nhân lực, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh chóng và bền vững.

Do đó, nghiên cứu này nhằm mục đích làm sáng tỏ mối quan hệ giữa biến động kinh tế vĩ mô và tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia thu nhập thấp và trung bình thông qua phân tích dữ liệu thực nghiệm. Mục tiêu chính là xác định liệu biến động trong chính sách tài khóa, cụ thể là biến động thuế, có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế dài hạn hay không. Bố cục của bài viết bao

* Đại học Kinh tế Quốc dân; email: nghiapv@neu.edu.vn

gồm phần giới thiệu và tổng quan nghiên cứu, tiếp theo là phần mô tả dữ liệu và phương pháp nghiên cứu, và cuối cùng là phần trình bày kết quả thực nghiệm cùng với các kết luận.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trong những năm gần đây, mối quan hệ giữa biến động kinh tế vĩ mô và tăng trưởng kinh tế đã trở thành một chủ đề nghiên cứu trọng tâm trong lĩnh vực tăng trưởng và phát triển. Mặc dù được xem xét kỹ lưỡng cả về mặt lý thuyết lẫn thực nghiệm, nhưng vẫn chưa có sự đồng thuận cao về bản chất và mức độ ảnh hưởng của mối quan hệ này.

2.1. Nghiên cứu lý thuyết

Nhiều nhà nghiên cứu, bao gồm Sandmo (1971), Kormendi và Meguire (1985), Dotsey và Sarte (2000), Martin và Rogers (2000), Blackburn và Polloni (2004), Varvarigos (2010), và Phạm Thế Anh (2018), đã xây dựng các mô hình lý thuyết để phân tích tác động của biến động kinh tế ngắn hạn lên tăng trưởng dài hạn. Nhìn chung, các nghiên cứu này đều khẳng định rằng biến động ngắn hạn (volatility) có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực đến tăng trưởng thông qua các kênh truyền dẫn khác nhau.

Các nghiên cứu về mối quan hệ giữa biến động kinh tế vĩ mô và tăng trưởng dài hạn cho thấy kết quả không đồng nhất. Một số tác giả như Sandmo (1971) và Kormendi & Meguire (1985) lập luận rằng bất ổn có thể thúc đẩy tăng trưởng nhờ khuyến khích tiết kiệm phòng ngừa rủi ro, qua đó gia tăng đầu tư. Tương tự, Dotsey & Sarte (2000) chỉ ra lạm phát và biến động lạm phát có thể gắn với tăng trưởng tích cực, phụ thuộc vào mức phát triển tài chính, vì sự không chắc chắn tạo động lực tiết kiệm và đầu tư. Ngược lại, Martin & Rogers (2000) chứng minh mối quan hệ tiêu cực giữa biến động và tăng trưởng, cho rằng biến động ngắn hạn cản trở tích lũy vốn nhân lực, đặc biệt ở các nền kinh tế công nghiệp hóa. Blackburn & Polloni (2004) phát triển mô hình tăng trưởng tiền tệ ngẫu nhiên, cho thấy biến động có thể tác động hai chiều thông qua cơ chế tiết kiệm phòng ngừa và thuế lạm phát. Trong khi đó, Varvarigos (2010) chỉ ra rằng biến động chi tiêu công, được tài trợ bằng tạo tiền, có thể làm gia tăng trung bình và phương sai của lạm phát, từ đó tác động tiêu cực đến tăng trưởng.

Ngoài ra Phạm Thế Anh (2018) sử dụng mô hình tăng trưởng tiền tệ tiêu chuẩn để xem xét sự biến động tài khóa và tiền tệ ảnh hưởng như thế nào đến tăng trưởng kinh tế. Mô hình này cho thấy rằng bất kỳ loại cú sốc nào tiền tệ hoặc tài khóa đều có thể tạo ra mối quan hệ tiêu cực hoặc tích cực giữa biến động ngắn hạn và tăng trưởng dài hạn, phụ thuộc vào quy mô chính phủ và độ co giãn của sản lượng đối với lao động/vốn.

2.2. Nghiên cứu thực nghiệm

Tương tự như các kết quả nghiên cứu lý thuyết, các nghiên cứu thực nghiệm cũng đưa ra nhiều quan điểm trái chiều về mối quan hệ giữa biến động ngắn hạn và tăng trưởng dài hạn. Các nghiên cứu như Kormendi và Meguire (1985), Grier và Tullock (1989), Caporale và Mc Kiernan (1998), Dejuan và Gurr (2004), Jim Lee (2010), Onyimadu và Chukwuemeka (2016) đánh giá tích cực về tác động của biến động ngắn hạn đến tăng trưởng kinh tế. Trong khi đó, các nghiên cứu như Ramey và Ramey (1995), Martin và Roger (2000), Aizenman & Pinto (2005), Fatás (2002), Hnatkovska & Loayza (2004), Aghion, Bacchetta Ranciere (2009), Afonso và Furceri (2010), Holland và AL (2011), Fatas và Mihov (2013), Ezcura và Rios (2015), Fabardha, Hysa và Ergun (2020), Francisco Arroyo Marioli và Antonio Fatas (2024) lại tìm thấy bằng chứng tiêu cực. Một số nghiên cứu khác, như Garcia, Herrero & Josep (2007) và Phạm Thế Anh (2017), cho rằng biến động ngắn hạn có thể có cả tác động tích cực và tiêu cực đến tăng trưởng, tùy thuộc vào mức độ biến động.

Từ những quan điểm chưa thống nhất trong các kết quả nghiên cứu cả về lý thuyết và thực nghiệm, nghiên cứu này hướng đến làm rõ thêm mối quan hệ giữa biến động kinh tế và tăng trưởng tại các nước có thu nhập thấp và trung bình. Sử dụng dữ liệu từ các quốc gia này trong giai đoạn 2000-2019, chúng tôi nhận thấy rằng mối quan hệ này là tích cực khi sử dụng thước đo biến động ngắn hạn là biến động thuế thu được của Chính phủ.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu thực nghiệm

Dựa theo các nghiên cứu của Brunetti (1998), Fatás và Mihov (2013) chúng tôi kiểm định tác động của biến động chính sách tài khóa cụ thể là

biến động thuế thu được của Chính phủ đến tăng trưởng dài hạn theo mô hình sau:

$$\bar{Y}_i = \alpha_0 + \alpha_1 Vol_i + \alpha_2 G_i + \alpha_3 GDP_0 + \alpha_4 HK_i + \alpha_5 Invest_i + \alpha_6 Trade_i + \alpha_7 Inf_i + e_i \quad (1)$$

Trong đó, GDP_0^i là tổng sản phẩm quốc nội của quốc gia thứ i ở năm đầu giai đoạn nghiên cứu (năm 2000). G_i , $Invest_i$, $Trade_i$ lần lượt là tỷ lệ của chỉ tiêu chính phủ, đầu tư và tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trên GDP; HK_i là tỷ lệ nhập học trung học cơ sở; Inf_i là tỷ lệ lạm phát. Các biến này đều được tính theo giá trị trung bình của quốc gia thứ i trong giai đoạn 2000-2019; e_i là sai số hồi quy. Vol_i là biến phản ánh sự biến động của thuế của chính phủ ở nước i . Dựa theo phương pháp của Aizeman, Marion (1993) và Brunetti (1998) như sau:

Trước hết thực hiện hồi quy biến thuế thu được của Chính phủ năm thứ t theo năm thứ $t-1$ như sau:

$$T_t = \beta_0 + \beta_1 T_{t-1} + \varepsilon_t \quad (1)$$

Từ hồi quy này chúng tôi thu được dãy các phần dư từ hồi quy là ε_t . Sau đó xác định độ lệch chuẩn $\sigma_{\varepsilon t}$ từ các phần dư của hồi quy nói trên thu được biến động chính sách thuế:

$$vol_i = \sigma_{\varepsilon t} \quad (2)$$

Với vol_i là thước đo biến thuế ở quốc gia thứ i . Mô tả chi tiết các biến được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả các biến trong mô hình

Tên biến	Cách tính	Tác động kỳ vọng	Tham khảo
\bar{Y}_i	Trung bình tốc độ tăng GDP bình quân đầu người của nước thứ i trong giai đoạn nghiên cứu		Brunetti (1998), Fata's và Mihov (2013)
Vol_i	Biến động ngắn hạn ở quốc gia thứ i được tính theo công thức (2)	+	Aizeman&Marion (1993), Brunetti (1998), Fata's và Mihov (2013)
GDP_0	GDP bình quân đầu người năm 2000	+	Aizeman&Marion (1993), Brunetti (1998), Fata's và Mihov(2013), Francisco Arroyo Marioli và Antonio Fatas (2024)
G_i	Trung bình tổng chi tiêu của chính phủ tính theo % GDP quốc gia thứ i	+	Barro (1990) Fata's & Mihov (2013) và Phạm Thế Anh (2019)
HK_i	Trung bình tỉ lệ nhập học cấp trung học cơ sở quốc gia thứ i	+	Lucas (1998) và sau đó Mankiw, Romer và Weil (1992), Brunetti (1998) Fatas&Mihov(2013), Marti&Roger (2000)
$Invest_i$	Trung bình đầu tư khu vực tư nhân quốc gia thứ i	+	Brunetti (1998) Martin & Roger (2000), Fata's và Mihov (2013)
$Trade_i$	Trung bình xuất nhập khẩu trên GDP quốc gia thứ i	+	Afonco& Furceri (2010), Gulcin (2018), Fata's và Mihov (2013)
Inf_i	Tỉ lệ lạm phát trung bình quốc gia thứ i	-	Ruth Judson (2019), Muazu Ibrahim (2017), Raju (2020)

Nguồn: Tổng hợp của các tác giả

3.2. Dữ liệu

Để xem xét chiều ảnh hưởng của biến động ngắn hạn (volatility) tới tăng trưởng dài hạn chúng tôi xem xét số liệu của các quốc gia có mức

thu nhập thấp và trung bình trên thế giới trong giai đoạn từ 2000 đến 2019 từ nguồn <https://databank.worldbank.org/> và ADB Indicators Database, <https://kidb.adb.org/economies>

Từ dữ liệu thu thập được, sử dụng phần mềm Stata, chúng tôi tính toán các biến phụ thuộc và biến độc lập cũng như biến kiểm soát và biến tương tác theo các phương pháp mà các nghiên cứu trước đó đã thực hiện như đã trình bày trong Bảng 1. Thống kê mô tả các biến được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2: Thống kê mô tả các biến số

Biến số	N	Mean	Std.Dev	Min	Max
\bar{Y}_i	129	2.6412	1.9173	-0.8528	8.8533
Vol_i	129	2.0111	3.8815	1.26e-15	24.2647
GDP_0	129	1572.574	973.1274	298.5905	5958.978
G_i	129	16.0108	12.2761	5.2745	87.1357
$Invest_i$	129	25.8985	8.2395	9.7611	52.9196
HK_i	129	48.4167	20.7178	10.0248	88.3512
$Trade_i$	129	34.3942	22.6018	7.5803	148.2191
Inf_i	129	7.4908	7.5667	1.5267	48.1916

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

4. Kết quả và thảo luận

Kiểm định mối quan hệ giữa biến động chính sách thuế đến tăng trưởng kinh tế. Kết quả ước lượng được báo cáo trong Bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. Kết quả hồi quy tác động của biến động thuế đến tăng trưởng kinh tế

Biến độc lập	Coef	Std.Err (Robust)	T	P > t
Vol_i	0.1957	0.0480	4.08	0.000
GDP_0	-0.0019	0.0004	-5.23	0.000
G_i	0.0259	0.0141	1.84	0.082
$Invest_i$	0.1197	0.0236	5.06	0.000
HK_i	0.0479	0.0119	4.01	0.000
$Trade_i$	0.0558	0.0247	2.26	0.032
Inf_i	-0.0318	0.0388	-0.82	0.003

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Kết quả kiểm định mối quan hệ giữa biến động chính sách tài khóa đến tăng trưởng kinh tế trong Bảng 3 cho thấy các biến Vol_i , G_i , $Invest_i$, $Trade_i$, HK_i , có hệ số dương và có ý nghĩa thống kê là phù hợp với kỳ vọng. Các biến GDP_0 , Inf_i có hệ số âm và có ý nghĩa thống kê.

Trong Bảng 3, hệ số của biến Vol_i mang dấu dương và có ý nghĩa thống kê, cho thấy rằng biến động chính sách tài khóa có tác động tích cực đến tăng trưởng trong mẫu nghiên cứu gồm 129 quốc gia có thu nhập thấp và trung bình. Kết quả

này hàm ý rằng các quốc gia có biến động lớn về thuế có xu hướng đạt tăng trưởng cao hơn so với các quốc gia khác. Dựa trên dữ liệu phân tích, có một mối tương quan thuận chiều giữa mức độ biến động thuế và tốc độ tăng trưởng kinh tế của các quốc gia. Kết quả phân tích cho thấy tồn tại mối tương quan thuận chiều giữa độ biến động thuế và tốc độ tăng trưởng kinh tế. Cơ chế tiềm năng giải thích cho mối quan hệ này có thể được diễn giải như sau: tăng thu thuế cho phép chính phủ gia tăng đầu tư vào cơ sở hạ tầng (như: giao thông, năng lượng, viễn thông). Những khoản đầu tư này có khả năng thúc đẩy năng suất lao động và giảm chi phí vận hành, từ đó kích thích tăng trưởng kinh tế. Hơn nữa, nguồn thu thuế tăng lên có thể được phân bổ cho giáo dục và đào tạo nghề, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động trong dài hạn. Cuối cùng, việc tăng cường chi tiêu công cho y tế, phúc lợi xã hội và bảo hiểm thất nghiệp có thể cải thiện sức khỏe và an sinh của người dân, tạo ra một lực lượng lao động khỏe mạnh và hiệu quả hơn, qua đó tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế.

Hệ số của biến G_1 là dương và có ý nghĩa thống kê, cho thấy rằng các quốc gia có chỉ tiêu cuối cùng của chính phủ (tính theo phần trăm GDP) cao hơn sẽ có xu hướng tăng trưởng kinh tế tốt hơn. Điều này ngụ ý rằng việc gia tăng chi tiêu của chính phủ có thể kích thích sản xuất và, do đó, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Hệ số của biến $Invest_1$ dương và có ý nghĩa thống kê, ngụ ý rằng với các quốc gia có tổng chi cho đầu tư (tính theo % GDP) cả khu vực công và khu vực tư nhân càng lớn thì càng kích thích tăng trưởng kinh tế. Khi đầu tư công tăng lên, nó giúp cải thiện cơ sở hạ tầng, cải thiện môi trường đầu tư, giảm chi phí sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng cuộc sống, kích thích đầu tư tư nhân tăng lên. Như vậy, các quốc gia mà chính phủ tăng cường các hoạt động đầu tư thì nền kinh tế sẽ tăng trưởng mạnh hơn.

Hệ số HK_1 dương và có ý nghĩa thống kê, cho thấy vốn nhân lực cao gắn liền với tăng trưởng mạnh hơn. Bên cạnh vốn vật chất, công nghệ và tài nguyên, vốn nhân lực giữ vai trò then chốt trong nâng cao năng suất, thúc đẩy đổi mới, tăng sức cạnh tranh và bảo đảm phát triển bền vững.

Đầu tư vào giáo dục, đào tạo và y tế giúp cải thiện chất lượng lao động, từ đó nâng cao thu nhập, tiêu dùng và năng lực quản lý. Do đó, quốc gia chú trọng phát triển vốn nhân lực sẽ đạt mức tăng trưởng dài hạn cao hơn.

Hệ số của biến GDP_0 âm và có ý nghĩa thống kê, cho thấy các quốc gia có GDP ban đầu lớn hơn sẽ tăng trưởng chậm hơn. Khi GDP ban đầu càng lớn thì tốc độ tăng trưởng càng chậm lại. Kết quả này phù hợp với các nhà nghiên cứu trước đây. Các nền kinh tế có GDP ban đầu thấp (các nền kinh tế đang phát triển) thường có tiềm năng tăng trưởng cao hơn so với các nền kinh tế đã phát triển với GDP ban đầu cao. Điều này là do các nền kinh tế đang phát triển thường có cơ hội để cải thiện hiệu quả sản xuất, áp dụng công nghệ mới và thu hút đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, nền kinh tế có GDP ban đầu thấp có thể tăng trưởng nhanh hơn vì có nhiều cơ hội để mở rộng và nâng cao năng suất. Ngược lại, các nền kinh tế đã phát triển có thể gặp phải hạn chế trong việc tăng trưởng nhanh do đã đạt đến mức phát triển cao và thị trường đã bão hòa. Các nền kinh tế có GDP thấp thường có nhiều cơ hội đầu tư vào cơ sở hạ tầng và công nghệ mới, điều này có thể thúc đẩy tăng trưởng nhanh chóng.

Hệ số biến $Trade_1$ dương và có ý nghĩa thống kê, cho thấy xuất nhập khẩu tác động tích cực đến tăng trưởng, cụ thể là ở các quốc gia có giá trị xuất nhập khẩu trên GDP càng lớn thì tăng trưởng càng cao. Xuất nhập khẩu lớn hơn sẽ mang lại dòng tiền lớn tái đầu tư vào sản xuất và tạo ra nhiều của cải vật chất hơn. Gia tăng giá trị xuất nhập khẩu có thể tạo ra vòng quay kinh tế tích cực, từ việc tăng sản xuất, tạo ra việc làm đến nâng cao thu nhập và do đó nâng tiêu dùng và do đó kích thích tăng trưởng kinh tế.

Hệ số biến Inf_1 âm và có ý nghĩa thống kê, cho thấy lạm phát tác động tiêu cực đến tăng trưởng. Lạm phát cao làm giảm sức mua, gia tăng chi phí sinh hoạt và hạn chế tiêu dùng. Đồng thời, chi phí sản xuất tăng buộc doanh nghiệp chịu lợi nhuận thấp hơn hoặc nâng giá bán, từ đó suy giảm năng lực cạnh tranh. Hệ quả là doanh nghiệp cắt giảm đầu tư và đổi mới công nghệ, kìm hãm tăng trưởng dài hạn. Ngoài ra, giá hàng hóa nội địa tăng cao làm xuất khẩu giảm, nhập khẩu gia tăng, gây mất cân đối thương mại và cản trở tăng trưởng kinh tế.

Từ tổng quan nghiên cứu và phân tích thực nghiệm tại các quốc gia thu nhập thấp và trung bình, chúng tôi nhận thấy biến động tài khóa có thể tác động hai chiều đến tăng trưởng dài hạn, tùy thuộc bản chất và quy mô biến động. Kết quả thực nghiệm tập trung vào biến động nguồn thu thuế cho thấy tác động tích cực đáng kể đến tăng trưởng. Điều này hàm ý trong giai đoạn nghiên cứu, các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình đã phân bổ và sử dụng nguồn thu thuế hiệu quả, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

5. Kết luận

Nghiên cứu này kiểm định tác động của biến động ngắn hạn đến tăng trưởng kinh tế dài hạn. Biến động ngắn hạn được lượng hóa bằng độ lệch chuẩn của phần dư từ mô hình hồi quy giữa thuế thu của chính phủ năm t và năm $t-1$. Kết quả phân tích thực nghiệm cho thấy, trong giai đoạn 2000-2019, biến động ngắn hạn có tác động tích cực đáng kể đến tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình.

Kết quả này nhất quán với các phát hiện trước đây của Grier & Tullock (1989), Caporale & McKiernan (1998), Dejuan & Gurr (2004), Jim Lee (2010), và Onyimadu & Chukwumeka (2016), cho thấy rằng biến động kinh tế cao có thể thúc đẩy tiết kiệm, từ đó khuyến khích đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Sự can thiệp kịp thời của chính sách tài khóa có thể kích thích các thành phần kinh tế, tạo động lực cho tăng trưởng dài hạn.

Thuế là nguồn thu chủ yếu của quốc gia, và kết quả nghiên cứu cho thấy các nước thu nhập thấp và trung bình đã quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu này, qua đó thúc đẩy tăng trưởng. Hệ thống thuế hợp lý không chỉ tái phân phối thu nhập, giảm bất bình đẳng mà còn ổn định xã hội và kích thích tiêu dùng. Thuế hiệu quả giúp chính phủ ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ doanh nghiệp trong suy thoái và hạn chế khủng hoảng tài chính. Ngoài ra, tăng thu thuế cho phép tái phân bổ nguồn lực, đầu tư công nghệ, thúc đẩy đổi mới, giảm nợ công và củng cố ổn định tài chính dài hạn.

Ngoài ra, ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình việc tăng cường xúc tiến thương mại, thúc đẩy xuất nhập khẩu, thu hút đầu tư, mở rộng thương mại, ưu tiên đầu tư vào giáo dục và đào

trào, cùng với kiểm soát lạm phát, là những yếu tố quan trọng để đạt được tăng trưởng kinh tế cao và bền vững. Chúng tôi khuyến nghị các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình nên tập trung nguồn lực vào các ngành kinh tế mũi nhọn, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo việc làm trong nước và đầu tư vào công nghệ mới để nâng cao chất lượng sản phẩm và thúc đẩy sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp.

Nghiên cứu cũng khẳng định vai trò quan trọng của vốn nhân lực đối với tăng trưởng dài hạn. Các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình thường có lợi thế về dân số trẻ. Đầu tư vào giáo dục và y tế để nâng cao chất lượng lực lượng lao động sẽ tạo ra nguồn vốn nhân lực chất lượng cao, cải thiện năng suất lao động và đóng góp vào tăng trưởng dài hạn.

Cuối cùng, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng GDP ban đầu có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Đối với các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình, điều này cho thấy tiềm năng tăng trưởng dài hạn cao hơn nếu họ tập trung đầu tư vào phát triển vốn nhân lực và công nghệ để thúc đẩy năng suất lao động.

Tài liệu tham khảo:

- Aizenman Joshua & Brian Pinto (2005), 'Managing economic volatility and crises: a practitioner's guide', New York, USA: Cambridge University Press.
- Aghion Philippe, Bacchetta, Rancière & Rogoff (2009), 'Exchange rate volatility and productivity growth: The role of financial development', *Journal of Monetary Economics* 56 (2009) 494-513.
- António Afonso & Davide Furceri, 'Government size, composition, volatility and economic growth', *European Journal of Political Economy* 26 (2010) 517.
- Barro Robert J (1990), 'Government spending in a simple model of endogenous growth', *J Polit Econ* 98(5):103-126.
- Fatas Antonio & Mihov Ilian (2006), 'The macroeconomic effects of fiscal rules in the us states', *Journal of Public Economics*, 90(1), 101-117.
- Francisco Arroyo Marioli, Antonio Fatas, Garima Vasishtha (2024), 'Fiscal policy volatility and growth in emerging markets and developing economies', *International Review of Economics and Finance* 92 (2024) 758-777, <https://doi.org/10.1016/j.iref.2024.01.041>
- Hamori (2000), 'Volatility of real GDP: some evidence from the United States, the United Kingdom and Japan', *Japan and the World Economy* 12 (2000) 143-152.
- Hnatkovska Viktoria & Loayza Norman (2004), 'Volatility and growth. Policy', *Research working paper; no. WPS 3184*. Washington, DC: World Bank.
- Loayza Norman V, Romain Ranciere, Luis Servén & Jaume Ventura (2007), 'Macroeconomic Volatility and Welfare in Developing Countries: An Introduction', *The World Bank Economic Review*, 21(3), 343-357.
- Michel Jetter (2014), 'Volatility and Growth: Governments are Key', *IZA Discussion Papers*, No. 7826, Institute for the Study of Labor (IZA), Bonn.
- Onyimadu & Chukwumeka, 'Macroeconomic Volatility and Economic Growth: Evidence from Selected African Countries', *MPRA Paper No. 77200*, posted 03 Mar 2017.
- Pham The Anh (2018), 'Policy volatility and growth', *Portuguese economic journal volume 17*, p 87-97.
- Phạm Thế Anh (2019), 'Chỉ tiêu chính phủ và tăng trưởng kinh tế: Lý thuyết và bằng chứng thực nghiệm ở Việt Nam', *Tạp chí Kinh tế phát triển số 262* tháng 4/2019.
- Roberto Ezcurrea & Vicente Rios (2015), 'Volatility and Regional Growth in Europe: Does Space Matter?', *Spatial Economic Analysis*, 2015 Vol. 10, No. 3, 344-368.